TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/02/2023
V/v: "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Bà Phan Thị Thiện.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Nam, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày:*

Ông H và bà Nguyễn Thị H1 bắt đầu chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ ngày 8/3/1988 tại thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời điểm đó do chưa đủ tuổi nên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian và có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1988 và cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990. Thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã không chung sống với nhau từ nhiều năm nay. Nay tình cảm không còn nên ông H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà Nguyễn Thị H1.

Về con chung: Ông H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990. Hiện tại các cháu đã thành niên, phát triển bình thường, có gia đình và có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Bà H1 và ông H tổ chức đám cưới và sống chung từ năm 1988 tại Thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện và không đăng ký kết hôn. Đến năm 1992 bà H1 và ông H có đăng ký kết hôn tại UBND xã E nhưng đến nay do bị thất lạc nên bà H1 không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Qúa trình chung sống ông H, bà H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1988 và cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990. Hiện tại các cháu đã thành niên, phát triển bình thường, có gia đình và có công việc ổn định. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác nên làm đơn khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H1. Đối với yêu cầu của ông H thì bà H1 không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Hiện nay các con chung đã thành niên nên bà H1 không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H1 khai giữa bà H1 và ông H có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã tiến hành xác minh tại UBND xã E về việc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Quốc H có đăng ký kết hôn tại địa phương hay không. UBND xã E cung cấp: Hiện dữ liệu hộ tích của UBND xã E chỉ còn lưu trữ từ năm năm 1999 trở về đây, từ trước năm 1998 trở về trước không còn. Từ năm 1999 đến nay ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 không đăng ký kết hôn tại UBND xã E. Ngày 23/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã tiến hành làm việc với bà H1 về việc yêu cầu bà H1 cung cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng bà H1 không cung cấp được.

Tòa án đã thu thập chứng cứ tại địa phương, tại Biên bản xác minh ngày 05/12/2023 chính quyền địa phương cung cấp: Ông H và và bà H1 sống chung với nhau từ năm 1988 tại thôn 11, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin và có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990. Ông H và bà H1 thường thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như nào thì địa phương không rõ nhưng đại diện chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì chính quyền địa phương không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1.

+ Về con chung và tài sản đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 cư trú tại thôn 11, xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp giữa ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà*

nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý". Vì vậy, quan hệ giữa ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H, bà H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của giữa ông Nguyễn Quốc H, không công nhận giữa ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1988 và cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990. Hiện tại các cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, có gia đình và có công việc ổn định nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 vềmức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990. Hiện tại các cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, có gia đình và có công việc ổn định nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0017362 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã E, huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ QUỐC ĐỊNH